

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
NGHỆ AN**

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-11-2020

V/việc: " Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình "

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Hoài Nam.

Các Hội thẩm nhân dân :

Bà Hà Thị Xinh.

Ông Vy Ngọc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lô Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Đ. Sinh năm: 1991

Trú tại: Bản K, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An

Có mặt

- Bị đơn: Anh Vi Văn N. Sinh năm: 1979

Trú tại: Bản K, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị Đ trình bày: Chị Lương Thị Đ và anh Vi Văn N tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào ngày 14/11/2012 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thì chị Đ và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh N nhiều lần có hành vi đánh đập chị Đ. Hai người đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau nữa. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, không tìm được tiếng

nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy, chị Đ làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Vi Văn N.

Về quan hệ con cái: Chị Lương Thị Đ và anh Vi Văn N có một con chung là Vi Ngọc A, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013. Ngoài ra, hai người không nhận nuôi con nuôi và không ai có con riêng. Vào thời điểm nộp đơn khởi kiện, chị Đ đề nghị được nhận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị đề nghị giao con chung cho anh N nuôi dưỡng và chị Đ sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000^d (Một triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành. Cháu Vi Ngọc A bị hạn chế khả năng nhận thức và phát triển không bình thường nên không thể nói rõ và không có khả năng đọc viết.

Về quan hệ tài sản: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Vi Văn N trình bày: Anh và chị Đ chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo anh N thì giữa anh và chị Đ không có mâu thuẫn gì. Anh N không biết vì lý do gì mà chị Đ xin ly hôn với anh, bản thân anh đang còn tình cảm với chị Đ nên mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống, làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Do đó, anh N không đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị Đ. Anh N và chị Đ có một người con chung đúng như chị Đ trình bày. Nếu ly hôn, anh N yêu cầu được giao nuôi con chung và đề nghị chị Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng với số tiền 1.000.000^d (Một triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành. Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Qua xác minh tại Trường Tiểu học C 2, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An thể hiện: Cháu Vi Ngọc A rất hạn chế năng lực hành vi và chậm phát triển trí tuệ so với lứa tuổi. Cháu chưa thể đọc và viết được và cháu A là trẻ khuyết tật. UBND xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu có giấy xác nhận số 16795000025 ngày 03/10/2019.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, 81, 82, 83 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên không công nhận chị Đ và anh N là vợ chồng, giao con chung là cháu Vi Ngọc A cho anh N nuôi dưỡng và chị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000^d (Một triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành. Áp dụng điều 147 BLTTDS, buộc chị Đ phải chịu án phí DSST về ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa chị Lương Thị Đ và anh Vi Văn N là “Ly hôn”. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35 BLTTDS.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị Lương Thị Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 71 BLTTDS, chấp nhận yêu cầu này của chị Lương Thị Đ.

[1.3] Do con chung của chị Lương Thị Đ và anh Vi Văn N (cháu Vi Ngọc A) bị khuyết tật về trí tuệ nên Tòa án không thể ghi lời khai của cháu theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ tình cảm: Chị Lương Thị Đ và anh Vi Văn N chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ đoạn 2 điểm b Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Lương Thị Đ và anh Vi Văn N là vợ chồng.

[2.2] Quan hệ con cái: Anh N và chị Đ có một con chung là Vi Ngọc A, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013. Ngoài ra, không ai có con riêng và không nhận nuôi con nuôi. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Đ và anh N đã thỏa thuận được việc giao con chung cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị Đ sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi tháng 1.000.000^d (Một triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành. Thấy rằng, thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, vì vậy cần chấp nhận.

[2.3] Quan hệ tài sản: Chị Lương Thị Đ và anh Vi Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Vì vậy, nên miễn xét.

[3] Về án phí: Cần buộc chị Lương Thị Đ phải chịu án phí DSST về ly hôn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 147 BLTTDS;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm b Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Quan hệ tình cảm: Không công nhận chị Lương Thị Đ và anh Vi Văn N là vợ chồng.

2. Quan hệ con cái:

- Giao cho anh Vi Văn N chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Vi Ngọc A, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2013 cho đến khi trưởng thành.

- Chị Lương Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng với số tiền 1.000.000^d (Một triệu đồng), thi hành kể từ tháng 11/2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

- Chị Lương Thị Đ có quyền đi lại, thăm nom và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh Vi Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lương Thị Đ không thi hành số tiền cấp dưỡng trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về án phí: Chị Lương Thị Đ phải chịu 300.000^d án phí DSST về ly hôn và 300.000^d án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0001719 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu. Chị Đ còn phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị Đ và anh Vi Văn N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Châu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Châu;
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hoài Nam